TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2026/HS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tý và bà Lê Thị Nhớ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Hồ Quốc Đ**, tên gọi khác: G, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2006 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: K đường Đ, tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Lê Ngọc T, sinh năm 1978 và bà Mai Thị N, sinh năm 1979 (đều còn sống); gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/9/2025 (có mặt tại phiên tòa).

2. **Lê Kim Hoàng H**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2006 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: K đường T, tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Kim S, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1979 (đều còn sống); gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/02/2023, bị Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng (cũ) xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi "Gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự" và "Sử dụng trái phép vũ khí thô sơ" theo Quyết định số 324/QĐ-XPHC.

Bị cáo hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Kim Hoàng H: Ông Lê Kim S, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Hồng T1, sinh năm 1979; cùng nơi cư trú: K đường T, tổ A, phường T, thành phố Đà Nẵng (đều có mặt).

- Bị hại: Anh Lê Nguyễn Tam T2, sinh năm 2005; nơi cư trú: P, nhà I, chung cư Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: K đường Đ, tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Ông Hồ Đức D, sinh năm 2004; nơi cư trú: K đường Đ, tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

3. Ông Hồ Văn T3, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số D đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc Đ có Luật sư Huỳnh Q thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố Đ (có mặt).

- Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Lê Kim Hoàng H: Luật sư Lê Bảo Â thuộc Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2021, Lê Nguyễn Tam T2 có mượn của Hồ Quốc Đ số tiền 5.500.000 đồng, nhưng đến tháng 9/2025 T2 vẫn chưa trả cho Đ dù Đ nhắn tin hối thúc nhiều lần.

Đến ngày 09/09/2025, trong lúc Đ đang đi hớt tóc cùng Lê Kim Hoàng H, Đ gọi vào tài khoản Messenger của T2 hối thúc trả nợ thì T2 viện cớ do đang ở bệnh viện chăm bố bị ốm và tiếp tục xin khất nợ. Lúc này, Đ điều khiển xe mô tô hiệu H1 SH BKS 43D2-016.79 chở H đến nhà của T2 tại phòng B, nhà I, chung cư Đ, thành phố Đà Nẵng để kiểm tra xem T2 có ở nhà hay không.

Khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, Đ và H đến nơi thì thấy T2 đang sử dụng điện thoại trên giường nên Đ dùng lời lẽ chửi bới T2 vì không chịu trả nợ. Đ thấy điện thoại di động hiệu Iphone XS màu trắng T2 đang sử dụng nên hỏi về nguồn gốc chiếc điện thoại thì T2 nói dối là máy mượn của người khác. Nghi ngờ T2 nói dối, Đ tiếp tục chửi

bới, yêu cầu Thanh mở mật khẩu máy kiểm tra thì thấy thông tin cá nhân trong máy là của T2. Đ bực tức nói "Ê điện thoại ni của mi chớ rân mi kêu của anh mỉ" rồi dùng tay phải đánh vào má trái của T2 01 phát, còn H thì dùng tay trái đấm 03 phát vào vùng mặt của T2 thì Đ can ra. Đ yêu cầu T2 đem điện thoại đi cầm, thì anh T2 đề nghị cầm 01 máy tính bảng Ipad có sẵn trong nhà nhưng Đ không chịu và tiếp tục chửi bới, đe doạ. Anh T2 lo sợ, miễn cưỡng thay quần áo rồi cùng Đ và H đi cầm cố điện thoại để trừ nợ.

Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô BKS 43D2-016.79 khống chế chở T2 ngồi ở giữa và H ngồi phía sau cùng đến tiệm C, địa chỉ: Số D đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, T2 đã cầm cố chiếc điện thoại cho chủ tiệm là ông Hồ Văn T3 (sinh năm 1970, trú số D đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng), với giá 2.500.000 đồng rồi đưa lại số tiền này cho Đ cất giữ.

Tiếp đó, Đ và H tiếp tục khống chế chở T2 về nhà của H tại số K đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng để buộc T2 viết giấy mượn số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi T2 viết giấy nợ xong, Đ đưa 2.500.000 đồng và giấy nợ cho H giữ, rồi chở T2 về nhà. Đến chiều cùng ngày, anh Lê Nguyễn Tam T2 đã đến Công an phường T để trình báo nội dung sự việc nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH biển kiểm soát 43D2-016.79

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs có ốp lưng màu trắng, số Imei: 357207095859112 (đã được niêm phong)

- 01 điện thoại di động Iphone 12 promax, số Imei 357771757856245, gắn sim số 0932409883.

- 03 đoạn video thu giữ từ camera an ninh của tiệm C thể hiện nội dung quá trình cầm cố chiếc điện thoại nêu trên.

- 02 giấy biên nhận cầm đồ Thành Đông có bút tích của ông T3 và anh T2 thể hiện việc cầm cố điện thoại nêu trên.

- Số tiền 2.500.000 đồng

- 01 giấy mượn tiền ghi số tiền mượn là 3.000.000 đồng có chữ ký ghi họ tên của Lê Nguyễn Tam T2 và Hồ Quốc Đ.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 2045/KLGĐ ngày 17/11/2025 của Trung tâm pháp ý tâm thần khu vực miền T kết luận: Tại thời điểm trước khi gây án, trong khi gây án và hiện tại, Lê Kim Hoàng H bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Đối với hành vi Đ và H dùng tay đánh vào mặt anh T2 gây thương tích, do chỉ bị xây xát phần mềm nên ngày 21/10/2025, anh T2 đã có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu khởi tố vụ án về hành vi cố ý gây thương tích của Đ và H.

Về dân sự, Hồ Quốc Đ đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, Lê Kim Hoàng H đã bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng. Anh Lê Nguyễn Tam T2 đã nhận đủ số tiền nêu trên và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ và H.

Từ những nội dung trên, tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV3 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Hồ Quốc Đ và Lê Kim Hoàng H về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Hồ Quốc Đ và Lê Kim Hoàng H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cưỡng đoạt tài sản".

+ Đối với Hồ Quốc Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Hồ Quốc Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Hồ Quốc Đ từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội.

+ Đối với Lê kim Hoàng Huy: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Kim Hoàng H từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Lê Kim Hoàng H từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội.

- *Về xử lý vật chứng*:

+ 02 (hai) đoạn video thu giữ từ camera an ninh của tiệm C, 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ Thành Đông có bút tích của ông T3 và anh T2 và 01 (một) giấy mượn tiền ghi số tiền mượn là 3.000.000 đồng có chữ ký ghi họ tên của Lê Nguyễn Tam T2 và Hồ Quốc Đ, là tài liệu chứng cứ nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Riêng các vật chứng còn lại đã được cơ quan điều tra xử lý trong quá trình điều tra là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã được các bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc Đ – Luật sư Huỳnh Q trình bày: Xuất phát từ việc bị cáo Đ cho bị hại mượn tiền, sau nhiều năm đòi tiền nhưng bị hại không trả, bị cáo quá bức xúc nên đã có hành vi vi phạm pháp luật, xét về động cơ mục đích bị cáo chỉ

mong muốn bị hại trả tiền cho bị cáo, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi. Luật sư thống nhất với tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị quá nghiêm khắc. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho cả hai tội danh, để bị cáo sớm trở về với gia đình để tiếp tục học tập để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Kim Hoàng H – Luật sư Lê Bảo Â trình bày: Bị cáo Lê Kim Hoàng H xác định có thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo. Do đó, Luật sư thống nhất với tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định pháp y tâm thần kết luận bị cáo H bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên khi phạm tội bị cáo không nhận thức hết tác hại của hành vi mà mình thực hiện. Do bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố, các bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại anh Lê Nguyễn Tam T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn T3 vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không

ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Hồ Quốc Đ và Lê Kim Hoàng H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại phòng B, nhà I, chung cư Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng, Hồ Quốc Đ và Lê Kim Hoàng H chỉ vì muốn đòi lại số tiền 5.500.000 đồng đã cho anh T2 mượn trước đó, đã có hành vi dùng vũ lực đánh và khống chế bắt anh T2 lên xe chở đến tiệm cầm đồ để cầm cố chiếc điện thoại với giá 2.500.000 đồng để đưa cho Đ, rồi tiếp tục khống chế bắt giữ chở anh T2 về nhà của H buộc viết giấy nhận nợ số tiền 3.000.000 đồng

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo Hồ Quốc Đ và Lê Kim Hoàng H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV3 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] *Xét tính chất vụ án và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mỗi bị cáo thì thấy:* Các bị cáo là đều người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật. Mặc dù các bị cáo biết rõ bản thân không có thẩm quyền bắt, giữ người nhưng để giải quyết số tiền nợ mà bị hại mượn trước đó, các bị cáo đã thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực, dùng lời lẽ lớn tiếng để uy hiếp, ép bị hại lên xe mô tô chở đến tiệm cầm đồ, buộc bị hại phải miễn cưỡng cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu Iphone Xs để trả số tiền nợ 2.500.000đ; sau đó các bị cáo tiếp tục khống chế chở bị hại về nhà của bị cáo H để viết giấy nợ với số tiền 3.000.000đ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tự do thân thể, tự do cá nhân của công dân mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, bất bình trong quần chúng nhân dân. Xét thấy, đối với các bị cáo phải áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là cần thiết nhằm răn đe, phòng chống tội phạm.

[6] Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể. Tuy nhiên, bị cáo Đ là người khởi xướng, dùng vũ lực đánh bị hại và khống chế ép buộc bị hại đi cầm cố tài sản, bị cáo là người trực tiếp giao dịch, nhận tiền từ việc cầm cố và yêu cầu bị hại viết giấy nợ. Đối với bị cáo H cùng tham gia trong việc đe dọa bị hại, hỗ trợ bị cáo Đ đưa bị hại đến tiệm cầm đồ cũng như đưa bị hại về nhà của bị cáo để viết giấy nợ. Như vậy, hành vi

của bị cáo Đ có tính chất, mức độ nguy hiểm hơn so với bị cáo H, nên bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

[7] Tuy nhiên, xét về nhân thân và tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đ có ông cố nội là Liệt sĩ, bà cố nội là mẹ Việt Nam anh hùng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Riêng đối với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Hồ Quốc Đ có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình thể hiện tính nhân đạo của nhà nước.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã được bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] *Về xử lý vật chứng*:

- 02 (hai) đoạn video thu giữ từ camera an ninh của tiệm C, 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ Thành Đông có bút tích của ông T3 và anh T2, thể hiện nội dung quá trình cầm cố chiếc điện thoại và 01 (một) giấy mượn tiền ghi số tiền mượn là 3.000.000 đồng có chữ ký ghi họ tên của Lê Nguyễn Tam T2 và Hồ Quốc Đ, là tài liệu chứng cứ nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 2.500.000 đồng mà các bị cáo có được từ việc cầm cố chiếc điện thoại cho ông Hồ Văn T3. Ông T3 có yêu cầu nhận lại số tiền này nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông T3 là phù hợp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, qua điều tra xác định là tài sản của bà Mai Thị N (là mẹ ruột của Đ) cho Đ mượn sử dụng nhưng không biết Đ dùng vào việc phạm tội. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bà N là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SH biển kiểm soát 43D2-016.79, qua điều tra xác định xe này do ông Hồ Đức D (là anh ruột của Đ) đứng tên chủ sở hữu. Ông D cho Đ mượn xe để sử dụng nhưng không biết Đ dùng vào việc phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập, xử lý và đã trả lại tài sản cho ông D là phù hợp.

[10] Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc Đ trình bày luận cứ bào chữa cơ bản thống nhất với tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà đại

diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị quá nghiêm khắc, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS cho cả hai tội danh. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đ là người khởi xướng có vai trò chính trong vụ án, nên HĐXX không chấp nhận ý kiến của Luật sư áp dụng Điều 54 để hạ khung hình phạt cho bị cáo. Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Kim Hoàng H đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54, Điều 65 xử dưới mức khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo, vấn đề này HĐXX xét thấy trong vụ án bị cáo có vai trò đồng phạm rất tích cực, mặt khác bị cáo có nhân thân xấu, nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư cho bị cáo hưởng án treo.

[11] Về vấn đề khác: Đối với ông Hồ Văn T3 khi nhận cầm cố tài sản là chiếc điện thoại di động nêu trên, không biết đây là tài sản mà các bị cáo có được từ việc phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[12] *Về án phí*: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Quốc Đ, Lê Kim Hoàng H phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Hồ Quốc Đ 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 01 (một) năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/9/2025.

3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Lê Kim Hoàng H 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 09 (chín) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hồ Quốc Đ, Lê Kim Hoàng H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay ngày 22.4.2026. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm iết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng ;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- CQTHAHS Công an TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 – CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Thắng